

Số: 46 /2011/TT-BNNPTNT

*Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2011*

**THÔNG TƯ**  
**Quy định về trình tự thực hiện việc chấp thuận,  
thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều**

---

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 20 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000; Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về hồ sơ, trình tự thực hiện của thủ tục chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều như sau:

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trình tự thực hiện việc chấp thuận để làm cơ sở cho việc cấp phép cho các hoạt động liên quan đến đê điều và thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình ở bãi sông do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

1. Các hoạt động liên quan đến đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III trước khi tiến hành phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm:

- a) Cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- b) Khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- c) Xây dựng công qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông.

2. Các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đê điều mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên trước khi tiến hành phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các hoạt động sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng để xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi trình phải có thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến đê điều.

## **Điều 3. Căn cứ để chấp thuận, thẩm định**

1. Luật Đê điều và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
2. Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

#### **Điều 4. Cơ quan tiếp nhận, chấp thuận, thẩm định hồ sơ**

1. Tổng cục Thủy lợi là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều quy định tại Điều 1 Thông tư này;

2. Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt, bão thuộc Tổng cục Thủy lợi là cơ quan trực tiếp xử lý hồ sơ trình Tổng cục Thủy lợi chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều quy định tại Điều 1 Thông tư này.

#### **Điều 5. Trình tự thực hiện chấp thuận**

Các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư này, trình tự thực hiện chấp thuận như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận gửi 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đề nghị của Chủ đầu tư;

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thuyết minh, bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt đại diện, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến đê điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

d) Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

đ) Đối với công trình mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên phải có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan;

e) Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu xét thấy công trình có ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ thì cơ quan trực tiếp xử lý hồ sơ thông báo bổ sung một hoặc các tài liệu sau: Văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông (sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực

lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình); ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chức năng liên quan; tài liệu khảo sát địa hình, địa chất để phục vụ cho việc kiểm tra, tính toán làm cơ sở xem xét, chấp thuận.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Thủy lợi xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện theo quy định, Tổng cục Thủy lợi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản và trả kết quả tại Tổng cục Thủy lợi hoặc qua hệ thống bưu chính; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, Tổng cục Thủy lợi có văn bản thông báo việc không chấp thuận xây dựng công trình và trả kết quả tại Tổng cục Thủy lợi hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Thủy lợi có thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

#### **Điều 6. Trình tự thực hiện thẩm định**

Các hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này, trình tự thực hiện thẩm định như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định gửi 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đề nghị của Chủ đầu tư;

c) Hồ sơ dự án gồm: Thuyết minh, thiết kế cơ sở, phụ lục tính toán, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được phê duyệt và kết quả tính toán đáp ứng theo yêu cầu về an toàn đê điều, thoát lũ theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Luật Đê điều và Điều 5 Nghị định

113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

d) Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

đ) Văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông, cụ thể về sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình;

e) Đối với công trình mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên phải có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan;

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Thủy lợi xem xét hồ sơ, có ý kiến thẩm định bằng văn bản và trả kết quả tại Tổng cục Thủy lợi hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Thủy lợi có thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TCTL.

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đào Xuân Học**

